

Đại Tá Nguyễn Văn Sử
Quân Sự Vụ Trưởng TVBQGVN
(1927 - 1972)

Trần Văn Giỏi, Khóa 26

Đại Tá Nguyễn Văn Sử, tốt nghiệp Khóa 7 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, được bổ nhiệm về Binh Chung Pháo Binh, đã tuần tự phục vụ trong binh chủng này qua các đơn vị và chức vụ, như sau: Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Cần Thơ, Tiểu Đoàn 26 Pháo Binh tại Nam Giao - Thừa Thiên, Tiểu Đoàn 7 Pháo Binh tại Mỹ Tho, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh tại Sư Đoàn 7 Bộ Binh tại Mỹ Tho, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Quân Đoàn 4 tại Cần Thơ.

Trong suốt thời gian ở trong binh chủng Pháo Binh, ông đã tận tụy phục vụ. Với đức tính trọng nguyên tắc, thanh liêm và thẳng thắn, biết chăm lo đời sống binh sĩ dưới quyền. Các quân nhân thuộc binh chủng Pháo Binh luôn quý trọng khi nhắc đến ông. Đối với một số binh sĩ trong đơn vị, do yêu mến nên họ xếp ông vào danh sách “Tứ Quý” (bốn cái nhất) của binh chủng. Căn cứ theo cấp bậc thì ông đứng hàng thứ tư. Rất tiếc tôi không còn nhớ rõ danh sách này còn thêm những ai.

Trong một lần hội ngộ với Niên Trưởng Cảo sau này, khi còn sinh tiền, ông có nhắc đến các kỷ niệm của mình khi còn phục vụ trực tiếp trong binh chủng Pháo Binh. Mọi người có đề cập đến tư cách và tác phong, cũng như tỏ lòng kính trọng

đối với Đại Tá Sử. Nhân dịp, Niên Trưởng Đoàn Trọng Cao, Khóa 13 (đơn vị cuối cùng thuộc Pháo Binh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến) kể về một kỷ niệm đáng nhớ về Đại Tá Sử.

Ông vốn là một trong các sĩ quan trụ cột của Binh Chủng Pháo Binh. Khi Niên Trưởng Cao còn đang chỉ huy một Pháo Đội Pháo Binh Diệt Địa, đơn vị của ông phải trải qua một cuộc khám xét định kỳ. Người trực tiếp cuộc khám xét này là Trung Tá Sử. Biết trước Trung Tá Sử là một sĩ quan “khó khăn”, từng nổi tiếng trong binh chủng là người không chấp nhận bất cứ một khuyết điểm nào, NT Cao đã ra lệnh binh sĩ dưới quyền lau chùi các khẩu đại bác cho thật kỹ, thật sạch sẽ hơn bình thường.

Đúng ngày thanh tra, khi xe jeep dừng lại, trong quân phục thẳng nếp, giày bóng nhoáng, tóc cắt ngắn, đúng 3cm, Trung Tá Sử bước xuống xe. Sau khi NT Cao tiến hành thủ tục chào kính đối với một cấp chỉ huy cao cấp như thường lệ, Trung Tá Sử lấy từ sau xe một tấm ván có gắn bốn bánh xe nhỏ bên dưới (*giống như tấm ván để người ta nằm ngửa chui vào gầm xe sửa chữa*). Cùng các động tác như vậy, sau khi đeo đôi găng trắng vào tay, ông nằm ngửa dùng hai chân đẩy người vào gầm một khẩu đại bác. Chui vào chỗ hiểm hóc nhất, Trung Tá Sử quyết tay vào khẩu súng. Đẩy xe ra ngoài, nhìn vào găng trắng, ông gạt đầu tỏ vẻ hài lòng, vì trên găng trắng của ông không hiện ra một vết mờ của dầu mỡ. Cuộc khám xét đã xong, Trung Tá Sử ra về. Niên Trưởng Cao thở phào nhẹ nhõm:

- Quả thật là một kỷ niệm đáng nhớ trong cuộc đời pháo thủ của tôi.

Sau khi học xong Khóa Chỉ Huy Tham Mưu tại Đà Lạt, ông được bổ nhiệm làm Quân Sự Vụ Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Khác với vị sĩ quan Trung Đoàn Trưởng tiền nhiệm, ông đã chỉ huy trực tiếp Trung Đoàn SVSQ.

Cũng cần giải thích thêm, Trường Võ Bị có hai Vụ: Văn Hóa Vụ phụ trách giảng dạy Văn Hóa, trong khi Quân Sự Vụ

phụ trách huấn luyện về Quân Sự, bao gồm cả việc lo liệu sinh hoạt hàng ngày cho SVSQ. Quân Sự Vụ Trưởng, kiêm Sĩ Quan Trung Đoàn Trưởng của Trung Đoàn SVSQ, với quân số khoảng 1000 SVSQ, bao gồm bốn khóa, được chia thành hai Tiểu Đoàn 1 và 2. Hai tiểu đoàn chia thành tám Đại Đội từ A đến H. (Từ năm 1971, đã có thêm hai Đại Đội Không Quân và Hải Quân, đặt tên là Đại Đội I và K.)



Đại Tá Nguyễn Văn Sử, Quân Sự Vụ Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Sau mùa Tân Khóa Sinh, Khóa 26 được gán Alfa vào tháng 2 năm 1970. Chúng tôi được chấp nhận là SVSQ Võ Bị năm thứ nhất. (Đối với các Tân Khóa Sinh thì các vị chỉ huy “duy nhất” có “quyền lực” cao nhất là các SVSQ Cán Bộ Tân Khóa Sinh, không có ai khác.) Tôi được biết Đại Tá Nguyễn Văn Sử từ đó.

Với nước da ngăm, người rắn chắc, giọng nói to, mắt sáng, đầu cắt tóc ngắn, đội mũ lưỡi trai luôn luôn theo sát sinh hoạt của Trung Đoàn SVSQ, người đã dùng hết thời giờ, công sức lo lắng cho sự học tập, huấn luyện và sức khỏe của Sinh Viên.

Sau khi Khóa 22 B tốt nghiệp, vào năm 1970, có bốn Khóa 23, 24, 25, 26 đang theo học. Đại Tá Sử đã họp sinh viên sĩ quan để hội thảo về kế hoạch tự túc, tự cường mà SVSQ phải thực hiện, khi người Mỹ cắt bỏ viện trợ. Chương trình này do Tổng Cục Quân Huấn thuộc Bộ Tổng Tham Mưu phát động. Kể từ đó thông qua Hệ Thống Tự Chỉ Huy Trung Đoàn SVSQ, ngoài hoạt động bình thường các Đại Đội SVSQ còn có nhiệm vụ lo chăm bón các vườn rau của trường, như một hình thức cải thiện đời sống SVSQ khi tiền bị mất giá, trong khi lương bổng của SVSQ không thêm kịp với đời sống bên ngoài. Đại

Tá Sĩ đã luôn theo dõi, đôn đốc thực hiện việc làm.

Chúng ta không bàn thêm về hiệu quả của chương trình này. Trong một đất nước chiến tranh mà sự phồn vinh xã hội, do dollar Mỹ mang lại, vượt quá lợi ích của một chương trình khiêm tốn, ít mang lại lợi nhuận trước mắt, chương trình này chưa có một kết quả cụ thể khả dĩ thuyết phục mọi người.

Một điểm khác trong đời sống cá nhân, ông luôn là một sĩ quan thanh liêm trọng nguyên tắc, không bao giờ lẫn lộn giữa công và tư.

Một lần một tài xế lái xe đến nhà để đón Ông đi công tác, khi thấy Đại Tá Sĩ làm việc, anh tài xế cũng xắn tay áo với ý định phụ giúp. Đại Tá Sĩ liền gạt tay anh tài xế ra mà nói:

- “Quân Đội trả lương cho Cậu để đưa tôi đi làm chứ không phải để làm chuyện này! Việc riêng của gia đình tôi, hãy để tôi lo!”

Ông luôn tỏ ra có trách nhiệm rất cao của một cấp chỉ huy.

Khoảng năm 1970, an ninh quanh trường Võ Bị đã trở nên xấu hơn nhiều so với trước đây. Mặc dù vòng đai phòng thủ do đơn vị bảo vệ của trường chịu trách nhiệm và được các đơn vị bên ngoài trường, như Địa Phương Quân tại Lapbe Sud và Lape Nord, của Trung Tâm Huấn Luyện Cảnh Sát Quốc Gia phía Bắc, của các đơn vị Bộ Binh khác quanh vùng, SVSQ vẫn phải gánh trách nhiệm phòng thủ hàng đêm quanh doanh trại. Đã có nhiều lần thực tập báo động. Khi lệnh được ban ra, trong giá lạnh các đại đội SVSQ tức khắc chạy ra tuyến phòng thủ với súng đạn trong im lặng tuyệt đối sẵn sàng ứng chiến. Mỗi lần như vậy, Hệ Thống Tự Chỉ Huy mà cấp Đại Đội do SVSQ Đại Đội Trưởng điều động, với sự chỉ huy và giám sát của các sĩ quan cán bộ từ cấp Đại Đội cho đến cấp Trung Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan. Mỗi lần báo động như vậy kéo dài từ 30' đến một giờ.

Một lần, khi đang thực tập báo động, trong sương mù của Đà Lạt về đêm, một SVSQ Khóa 26 thấy một bóng người từ

bên ngoài tuyến lom khom đi vào. Không nhận rõ hình dáng và tưởng là VC, sinh viên này đã nhắm bắn người đó. May mắn, đạn đã không trúng, vì chỉ một lúc sau anh sinh viên này mới biết người từ ngoài hàng rào phòng thủ đang vượt qua hàng rào kẽm gai là Đại Tá Sĩ. Ông đã khen người sinh viên sĩ qua này có ý thức tránh nhiệm cao, nhưng chê trách... bắn dở.

Chính ông thỉnh thoảng một mình lái xe hoặc đi bộ để kiểm soát các vọng gác chính, vì thế không có sinh viên sĩ quan nào còn dám lơ là canh gác.

Tôi không thể nào quên được hình ảnh của Đại Tá Sĩ một buổi chiều sau khi Trung Đoàn SVSQ ăn chiều xong. Các SVSQ tập hợp trước phạm xá trong trời lạnh mây mù mưa lất phất một buổi chiều thật buồn, Đại Tá ra chỉ thị cho Trung Đoàn SVSQ phải tham gia lập thêm hệ thống phòng thủ quanh trường và canh gác cẩn thận tại các doanh trại của các Đại Đội A, B, C, D, E, F, G, H để đề phòng cộng sản tái xâm nhập. Sau đó mỗi ngày sau giờ ăn chiều hoặc cuối tuần, các đại đội SVSQ phải tham gia công tác đào thêm hầm hố, giao thông hào bên dưới Đài Tử Sĩ, cánh trái và phải Bộ Chi Huy, Nhà Vòm, Hội Quán...

Chuẩn bị không phải là thừa, một đơn vị Việt Cộng đã bị tiêu diệt hoàn toàn ngay bên ngoài vòng kẽm gai, trong lần tấn công đợt hai vào Trường Võ Bị.

Ông luôn chứng tỏ là người mẫu mực và nêu gương sáng cho thuộc cấp dưới quyền. Trong sinh hoạt thường ngày của SVSQ, có chương trình chạy bộ buổi sáng, khoảng 30', mỗi ngày bắt kể trời ấm hay lạnh buốt giá vào lúc 6:00 sáng. Thường thì, việc điều khiển buổi chạy sáng do Trung Đoàn SVSQ tự điều khiển, với sự giám sát và hiện diện của hai sĩ quan cán bộ trực của hai Tiểu Đoàn 1 và 2 SVSQ. Khi Đại Tá Sĩ nhậm chức Quân Sự Vụ Trưởng thì sự hiện diện của ông trong những lần chạy sáng gần như thường trực. Khi kèn sáng vừa thổi lên, bật dậy khỏi giường các SVSQ đã thấy Đại Tá

Sử, với quần treilli, giày MAP, và áo len nâu, đã đứng khoanh tay đứng dưới cột cờ Trung Đoàn SVSQ. Ngoài ra họ cũng đã thấy hầu hết các sĩ quan Cán Bộ Đại Đội Trưởng và Tiểu Đoàn Trưởng đều có mặt. (Điều này ít xảy ra trước đây.) “Sức đẩy” về sự hiện diện của một sĩ quan cao cấp có hiệu quả tức thời. Tiếng đếm số 1, 2, 3, 4 vang rộng cả núi đồi. Cũng từ đó, ít thấy SVSQ (nhất là năm thứ Tư, khóa lớn nhất) khai bệnh để... khỏi chạy sáng.

Sau 1968, đời sống dân chúng trong xã hội bị thay đổi nhiều, một phần do đồng tiền bị mất giá, một phần vì các người làm công cho Mỹ được trả gấp năm, mười lần lương truyền thống. Lương của SVSQ chỉ vừa đủ sống nên dựa hoàn toàn vào các bữa ăn tại Phạn Xá. Đại Tá Sử đã luôn kiểm soát nhà ăn để thực phẩm không bị thất thoát. Chính thái độ quyết liệt của Đại Tá Sử đã khiến ông gặp biết bao phiền toái sau này.

Ông không bao giờ chấp nhận các SVSQ dưới quyền bất cứ việc bê trễ nào trong sinh hoạt, cũng như thái độ vô kỷ luật dưới bất cứ lý do nào. Ông cũng đòi hỏi không khoan nhượng SVSQ phải trọng danh dự và giữ tư cách của mình.

Năm 1970, trong một lần tập trung cả Trung Đoàn SVSQ thao dợt Cơ Bản Thao Diễn cho một nghi lễ, nhận thấy một số SVSQ không vào hàng nhanh chóng và trật tự, ông đã ra lệnh phạt cả Trung Đoàn SVSQ (bao gồm bốn Khóa 23, 24, 25, và 26) phải chạy ba vòng sân quanh Vũ Đình Trường Lê Lợi, cùng súng Garant (khoảng gần 1.5 km). Sự kiện này rất hiếm xảy ra, cũng như hình phạt chỉ có tính cách nhắc nhở cảnh cáo, hơn trừng trị. Với sức khỏe của tuổi thanh niên và qua tập luyện thì lần chạy bộ này chỉ mới vừa... “ấm người”.

Một lần khác. Theo thói quen của các tân thiếu úy của Trường Võ Bị Quốc Gia từ trước đến Khóa 23, sau khi dự lễ mãn khóa họ còn được ở trong trường trước khi về phép và trình diện đơn vị. Một số có thái độ sinh hoạt hơi phóng túng, không kỷ luật như chính họ trước đây một ngày. Nhất là

về quân phục, các tân thiếu úy đã tùy tiện mặc theo ý muốn. Chẳng hạn như đi Nhảy Dù thì đội mũ đỏ mặc áo nguy trang, đi Thủy Quân Lục Chiến thì đội mũ xanh mặc áo rằn ri màu sóng biển. Biệt Động Quân thì đội nón nâu, Không Quân thì đội mũ callo... Một số còn không gom ống quần. Đứng ra họ phải mặc quân phục của trường.



*SVSQ gồm bốn khóa đang diễn hành tại
Sân Cỏ Trung Đoàn SVSQ.*

Chúng ta có thể hiểu được thái độ của họ. Các tân thiếu úy vừa trải qua một gian đoạn dài huấn luyện trong bốn năm với kỷ luật tuyệt đối dành cho SVSQ, như trong tu viện. Tốt nghiệp là niềm hãnh diện mà họ đã chờ từ rất lâu. Với tuổi trẻ hăng say, họ đã sẵn sàng ra đơn vị phục vụ. Vì thế, họ cảm thấy kiêu hãnh khi được thay quân phục mới. Lẽ dĩ nhiên cũng có một số hơi quá đáng.

Đối với Đại Tá Sử thì đây là các hành động thiếu kỷ luật, không thể dung túng. Sáng hôm sau, khi các tân sĩ quan chờ nhận Sự Vụ Lệnh lên đường về trình diện đơn vị mới vào ngày Chủ Nhật 19 Tháng 12 Năm 1970, Ông đã ra lệnh tập họp các thiếu úy Khóa 23. Trước hàng quân, Ông đã tỏ vẻ buồn lòng và chê trách thái độ của họ là không được chấp nhận.

Ngoài thái độ khắt khe khi chỉ huy, ông cũng không phải là người ít tình cảm. Ông chỉ cố che dấu thôi. Vào khoảng tháng 3 năm 1971, 23 thiếu úy của Binh Chung Biệt Động Quân-xuất thân từ Khóa 23 Võ Bị, đã trình diện Đại Tá Nguyễn Văn Trường - Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện BĐQ Dục Mỹ và Đại Tá Nguyễn Văn Sử - Quân Sự Vụ Trưởng TVBQGVN trong khi đang theo học Khóa 42 Hành Quân Biệt Động Rừng - Núi - Sinh Lây.

Lấy lý do thăm Đại Tá Trường, người bạn cùng khóa Võ Bị, Đại Tá Sử muốn gặp gỡ những học trò cũ của mình, muốn chứng kiến tận mắt những thay đổi của họ sau một thời gian ngắn sau khi ra trường. Các thiếu úy nhìn dáng hai ông, với chiều cao tương đối bằng nhau, cùng vạm vỡ, nước da ngăm đen, tiếng nói sang sảng; họ đã vô cùng hãnh diện được trình diện vị thầy khả kính cũ của mình. Hóa ra ông thầy dạy năm xưa vẫn luôn quan tâm đến từng bước đi của họ. Các thiếu úy trẻ với nước da đen cháy do nắng gió Dục Mỹ, qua các bài tập nguy hiểm và khắc khổ, mạnh mẽ qua tác phong, khỏe mạnh trong thể chất, tự tin qua cử chỉ đang đứng trước hai ông. Qua hình ảnh, ông biết họ đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới. Họ thấy ông hãnh diện, tỏ vẻ hài lòng, và cảm động về sự trưởng thành của những học trò cũ. Một hình ảnh mà họ vẫn còn nhớ mãi cho đến trên 50 năm sau.

Là một sĩ quan cao cấp đầy nhiệt huyết, Đại Tá Nguyễn Văn Sử luôn hết lòng cho quân đội, là một Quân Sự Vụ Trưởng đã hết lòng với Sinh Viên. Ông luôn luôn chăm lo đời sống huấn luyện học tập và đặt kỳ vọng vào tương lai của SVSQ sau này. Ngược lại Sinh Viên Võ Bị cũng đã noi gương cách sống trong sạch liêm khiết và làm việc không mệt mỏi của người. Đại Tá Nguyễn Văn Sử là thần tượng của SVSQ/Võ Bị muốn noi theo

Nhưng người tốt và quá lý tưởng thường hay yếu mệnh. Trung Đoàn SVSQ rất bàng hoàng khi hay tin Đại Tá Nguyễn Văn Sử bị sát hại năm 1972 vào một đêm tại Văn Phòng Trục của ông, sát với Câu Lạc Bộ và Thư Viện của trường. Việc ra

đi đột ngột của ông là một đại tang cho Trung Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan Trường VBQGVN, là niềm thương tiếc vô bờ và một nỗi uất hận khôn nguôi dành cho những ai đã sát hại ông. Các học trò cũ của ông đang ở ngoài đơn vị cũng không khỏi xúc động, bồi hồi và thương tiếc khi được biết ông đã mất.

Bộ Tổng Tham Mưu không thể đưa ra kết luận về cái chết này. Ông bị VC sát hại, hay bị trả thù cá nhân? Không có kết luận! Sự việc trôi vào quên lãng, khi đất nước đang càng ngày càng chìm đắm trong lửa đạn, trong mất mát và chia ly.

Chỉ biết, sau khi ông bị mất, Bộ Tổng Tham Mưu quyết định không truy thăng ông là Cố Chuẩn Tướng (*như thông lệ đối với một quân nhân bị tử nạn khi đang thi hành nhiệm vụ*), mà chỉ ân thưởng một huy chương. Cố Đại Tá Sĩ là một trường hợp ngoại lệ. Được biết, Phu Nhân của cố Đại Tá Sĩ đã từ chối không nhận huy chương này.

Tôi và hai bạn Khóa 26 Đại Đội B được cử ra nhà của ông để giúp đỡ một vài việc, sau khi ông mất. Tận mắt chứng kiến hoàn cảnh gia đình của ông khiến tôi rất xúc động. Căn nhà rất nhỏ với một bàn thờ ở giữa đơn sơ, một chiếc bàn dài độ hơn hai thước được trải một tấm nilon mỏng (*có in hình trái khóm, trái dưa hấu*) bị rách một hai chỗ và bốn chiếc ghế. Nhà có nuôi vài ba con gà. Lúc đó, ông bà có hai đứa con trai còn nhỏ độ 5, 6 tuổi. (Như được biết, đằng sau nhà còn có một hai con heo đang nuôi.) Tình cảnh nghèo khó đối với gia đình của một đại tá quả thật bất thường!

Bà Đại Tá gương mặt buồn, ăn mặc giản dị, cảm ơn chúng tôi và kể:

- Nhà không có gì đáng giá hết. Đại Tá rất nghiêm khắc không cho ai được xen vào việc của ông. Chiếc xe jeep chỉ phục vụ cho quân đội, tôi không được phép ngồi trên đó.

Mặc dù, cách làm việc của Đại Tá Sĩ lúc sinh tiền không phải ai cũng đồng ý, nhưng ảnh hưởng của ông để lại vô cùng sâu sắc, tác động đến cách sống và suy nghĩ của đa số SVSQ

dưới quyền. Ông chính là hình ảnh, là lý tưởng mà các SVSQ trẻ đang theo đuổi. Hãy đọc những thí dụ được kể lại.

Một Niên Trưởng Khóa 23, sau khi qua Mỹ năm 1992 theo diện HO, đến thăm một người bạn (*giờ này ông này đã không còn nữa*) cùng khóa lâu năm chưa gặp thì thấy hình của cố Đại Tá Sĩ được treo trên bàn thờ, cạnh hình cha mẹ quá cố của mình. Việc làm gì của Đại Tá đã ảnh hưởng sâu sắc và được kính trọng đến như vậy?

Một cảm nghĩ khác (*trích đăng*):

“Tôi muốn bày tỏ hết lòng kính mến và ngưỡng phục của tôi như đối với Đại Tá Nguyễn Văn Sĩ, Quân Sự Vụ Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam; như một cấp chỉ huy, như đối với một người cha, một người thầy, một người anh lớn trong quân đội, Tôi muốn được minh oan cho cái chết tức tưởi của Đại Tá Nguyễn Văn Sĩ, người đã nằm xuống trong sự thương tiếc, kính trọng của chúng tôi, những cựu sinh viên sĩ quan từ các Khóa 22 đến Khóa 28 thụ huấn trong thời gian Đại Tá còn tại chức tại trường. Riêng với tôi, Đại Tá như một thần tượng, một mẫu mực của người quân nhân với những đức tính, cứng rắn, cương nghị và liêm khiết...”

Giờ ghi lại những dòng này tôi cũng cảm thấy vô cùng xúc động về một vị Đại Tá đầy quyền lực mà sống rất thanh liêm. Nếu Quân Lực VNCH có nhiều sĩ quan gương mẫu hết lòng lo cho thuộc cấp và binh sĩ như Đại Tá thì chắc hẳn tình hình miền Nam có thể khác hơn. Tôi biết chắc là như thế!

Cuối cùng tôi muốn nói lên lòng ngưỡng mộ của một khóa đàn em, muốn dâng lên một nén nhang dù muộn màng để Tưởng Niệm Cố Đại Tá Nguyễn Văn Sĩ, Quân Sự Vụ Trường TVBQGVN và cầu mong Ông Trên giữ Hương Linh của Đại Tá luôn luôn ở Cõi Vĩnh Hằng.

Kính Chào Thương Tiếc Đại Tá Nguyễn Văn Sĩ!

TẢN MẠN VỀ NHÀ TRẦN.

Vi Vân, K20/1

Triều đại nhà Trần qua các đời vua đã được sách Sử Ký ghi chép rất rõ ràng. Ở đây tôi xin được thêm vào một số chi tiết, những mẫu chuyện bên lề lịch sử, ngoại truyện mà sách vở nhân gian còn lưu truyền cho đến ngày nay.

* * *

Triều đại nhà Trần là một vương triều rất đặc biệt từ việc khởi đầu gây dựng sự nghiệp đến những luật lệ lạ lùng của hoàng tộc. Một triều đại nổi tiếng với cả hai mặt tốt và xấu.

Trước khi nói về nhà Trần phải nhắc đến những biến chuyển của thời cuộc.

Cuối triều đại nhà Lý, các vua sa đọa yếu kém, kinh tế suy thoái, thiên tai mất mùa liên tiếp xảy ra, các thế lực phong kiến nổi lên chống lại triều đình, giặc giã tứ phương.

Hoàng tử Sảm chạy loạn về ấp Hải Lý, làng chài Tức Mạc (Nam Định) rồi lấy con gái Trần Lý là Trần Thị Dung làm vợ. Trần Lý có ba người con: Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thị Dung và một người cháu là Trần Thủ Độ (con của Trần Hoàng Nghi anh ruột của Trần Lý). Năm 1210 nhờ sự trợ giúp của họ Trần, hoàng tử Sảm trở về triều lên ngôi lấy niên hiệu là Lý

Huệ Tông, phong Trần Thị Dung làm Hoàng Hậu. Trần Thủ Độ được phong chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ.

Hoàng Hậu chỉ sinh được hai công chúa là Thuận Thiên và Chiêu Thánh. Trần Thủ Độ lập mưu bắt Hoàng Thái Hậu giam vào ngục, ép Lý Huệ Tông đi tu (sau đó bức tử vua). Ông còn bắt vua nhường ngôi cho con gái nhỏ là Lý Chiêu Thánh mới bảy tuổi lên ngôi, niên hiệu là Lý Chiêu Hoàng. Kế đến Trần Thủ Độ đem con trai thứ hai của Trần Thừa là Trần Cảnh mới tám tuổi vào cung làm chồng bà vua nhỏ. Sau cùng ông ép Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng. Thế là nhà Trần đã cướp ngôi nhà Lý một cách dễ dàng không hao tổn một binh một chột nào cả.

Trần Cảnh lên ngôi lấy niên hiệu là Trần Thái Tông (1225) lập nên triều đại nhà Trần. Kể từ đó nhà Lý bị xóa sổ. Lúc này Trần Thủ Độ được phong chức Thái Sư, quyền hành ngất ngưỡng trong triều. Những âm mưu sắp đặt cướp ngôi nhà Lý là do Trần Thủ Độ toan tính. Ông là người giỏi giang, tài ba xuất chúng, nhiều mưu lược nhưng cũng nhiều tham vọng và tàn ác. Sau khi cháu mình đã giành được ngai vàng, ông thẳng tay tiêu diệt dòng dõi hoàng tộc, tôn thất nhà Lý. Một vị vương gia, chú của vua Huệ Tông là Lý Long Tường lúc đó đang nắm quyền chỉ huy thủy quân, đã dẫn hơn hai ngàn gia tướng chạy ra biển thoát nạn, sau này được vua Cao Ly cho định cư bên đó.*

Khi Trần Thái Tông ngồi vững trên ngôi thì nhà Trần lại diễn ra sự đại loạn luân mà đến nay hậu thế còn chê trách.

Người phạm tội loạn luân đầu tiên là Trần Thủ Độ, một người anh con của bác đã công khai cưới Trần Thị Dung (Hoàng Hậu của Lý Huệ Tông) và bà được phong là Linh Từ Quốc Mẫu.

Công chúa Lý Chiêu Thánh ở với Trần Thái Tông 12 năm nhưng không sinh được con cái. Trước đó Trần Thủ Độ đã đem công chúa Thuận Thiên (chị của Chiêu Thánh) gả cho

Trần Liễu là anh ruột của Trần Cảnh. Lúc Thuận Thiên có thai được ba tháng mà Chiêu Thánh lại không có con nên Trần Thủ Độ đem Thuận Thiên về gả cho Trần Cảnh để có người nối nghiệp nhà Trần. Ông còn buộc Chiêu Thánh lui vào hậu cung đến 20 năm. Sau bà mới tìm được nhân duyên mới. Việc này làm cho anh em họ bất hòa. Trần Liễu nổi loạn, Trần Cảnh bỏ cung điện trốn lên chùa ở.

Sau cùng Trần Thủ Độ cũng dần xếp, giảng hòa được hai người, nhưng mâu thuẫn vẫn âm ỉ trong hai dòng trưởng, thứ. Trần Thái Tông trở lại ngôi vua, cắt cho đất An Sinh làm thái ấp và phong Trần Liễu làm An Sinh Vương.

Trần Liễu có 3 người con: Trần Quốc Trung, Trần Quốc Tuấn (Hung Đạo Vương), Trần Vũ Thành tức Vương Doãn. Trần Cảnh (Trần Thái Tông) sinh ra: Trần Quốc Khang (con của Thuận Thiên và Trần Liễu), Trần Hoảng (Trần Thánh Tôn), Trần Quang Khải, Trần Ích Tắc, Trần Nhật Duật, và An Tư Công Chúa.

Sau việc Trần Thủ Độ lấy em họ và Trần Cảnh lấy chị dâu thì triều đại nhà Trần tiếp tục bại hoại, loạn luân. Cô lấy cháu, chú lấy cháu, anh em họ lấy nhau... vì theo luật lệ hoàng gia không ai được lấy người ngoài họ nhà Trần. Họ chỉ muốn quyền lực nằm trong hoàng tộc mà thôi. Chẳng hạn như Phụng Dương Công Chúa là con của Trần Thủ Độ lấy cháu là Trần Quang Khải, Thiên Thành Công Chúa (em ruột của Trần Liễu và Trần Cảnh) lấy Trần Quốc Tuấn là con ruột của Trần Liễu. Thiên Thụy Công Chúa lấy Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn (con Trần Hưng Đạo), Khâm Từ Hoàng Hậu là con



Hung Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn

của Hưng Đạo Vương lấy vua Trần Nhân Tông....

Chính vì vậy mà có một giai thoại về Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Ông là con của Thượng Tướng Trần Phó Duyệt, được phong thực ấp vùng núi Chí Linh. Khánh Dư là người tài giỏi, lập nhiều công trận làm đến chức Phiêu Kỳ Tướng Quân, được vua Trần Thánh Tông nhận làm con nuôi. Tương truyền rằng Trần Khánh Dư vì yêu và muốn cưới một người con gái ngoài vương tộc nên ông đã bị cách chức, tịch thu tài sản, đày làm dân dã. Cũng có sách viết rằng trong một buổi tiệc của hoàng tộc ông say rượu nên đã chọc ghẹo vợ của Hưng Vũ Vương nên bị cách chức (lúc này cha con Hưng Đạo Vương đang nắm hầu hết quân đội nên vua rất nể nang họ). Ông về núi Chí Linh đốn củi, làm than đem bán mưu sinh. Mãi đến khi triều đình mở đại hội Bình Than trên sông, ông chèo thuyền ngang qua, được vua cho gọi lại. Ông được tha tội và phục chức.

- Vị vua đầu tiên là Trần Thái Tông tức Trần Cảnh. Khi đang tại vị trên ngôi tuy Trần Thái Tông dựa nhiều vào Trần Thủ Độ và Trần Quốc Tuấn, nhưng sau đó ông cùng con là Thái Tử Trần Hoảng chỉ huy quân đội phá tan quân Nguyên ở Đông Bộ Đầu, giải phóng được Thăng Long. Vua Thái Tông là vị anh hùng cứu nước và còn là nhà triết học có những tư tưởng sâu sắc, có một cốt cách độc đáo, là tác giả cuốn “Khóa Hư Lục” thời đó.

Các đời vua nhà Trần có một luật lệ: Sau khi làm vua một thời gian thì lui về làm Thượng Hoàng, vẫn tiếp tục cai quản triều chính với vua con.

- Vị vua thứ hai là Trần Thánh Tông tức Thái Tử Hoảng.

Thánh Tông là vị vua nhân từ, trung hậu. Ông dốc lòng xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị. Ông quan tâm đến việc giáo hóa dân, khuyến khích học hành, mở khoa thi chọn người tài ra giúp nước, cho khai khẩn đất hoang giúp dân phương tiện canh tác. Thời ông cai trị không giặc giã, yên ổn, dân chúng

được sống trong cảnh thái bình, no ấm.

- Vị vua thứ ba là Trần Nhân Tông. Ông là vị vua anh minh, quyết đoán, là vị anh hùng cứu nước. Thời gian ông trị vì nước Đại Việt đã trải qua nhiều giai đoạn thử thách, đất nước ngả nghiêng, nguy kịch. Nhiều lần quân Nguyên sang đe dọa, xâm lấn nhưng vua đã lèo lái con thuyền tổ quốc vượt qua những khó khăn với những trận đánh vang danh thiên thu. Dưới triều ông có hai đại hội được lưu danh trong sử sách là Đại Hội Bình Than và Đại Hội Diên Hồng để dò hỏi lòng dân và tướng sĩ khi có giặc xâm lăng. Những trận chiến oai hùng như: trận Bạch Đằng Giang do Hưng Đạo Vương đuổi Thoát Hoan trốn vô ông đồng chạy về nước. Những trận đánh ở Vạn Kiếp, Hàm Tử (do Trần Nhật Duật cầm quân) và Chương Dương (do Trần Quang Khải chỉ huy) hiệp cùng các tướng như: Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, Ngân Huệ Vương Trần Khánh Dư, Trương Hán Siêu, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Yết Kiêu, Dã Tượng... Ngoài ra còn những tướng con của Hưng Đạo Vương như: Hưng Vũ Vương (Trần Quốc Nghiễn), Hưng Trí Vương (Trần Quốc Hiến), Hưng Hiếu Vương (Trần Quốc Uất), Hưng Nhượng Vương (Trần Quốc Tảng).

Riêng Trần Bình Trọng khi giao chiến với giặc ở cửa Tây Kết, ông đã bị lọt vào gọng kềm. Phía sau Lý Hằng dồn binh tới, phía trước Ô Mã Nhi quay đầu lại bao vây ông vào giữa lòng quân giặc. Tuy anh hùng, dũng cảm nhưng vì yếu thế ông bị bắt. Giặc dụ hàng không được, ông bị giết chết.

Sau 14 năm làm vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con rồi đi tu, ông đã lập ra phái thiền Trúc Lâm Yên Tử. Ông là một triết gia lớn của Phật Học, giúp triết học Phật Giáo Việt Nam phát triển rực rỡ, thể hiện đầy đủ trí tuệ, bản lĩnh của người tu đạo.

Trong lịch sử nhà Trần ít ai nhắc đến, bỏ quên người con gái út của Thái Tông là An Tư Công Chúa. Khi quân Nguyên sang đánh Đại Việt lần thứ ba do Thoát Hoan cầm đầu, vua

Trần trong lúc còn yếu thế chưa phản công được đánh dâng nạp An Tư cho Thoát Hoan. Tương truyền rằng sở dĩ nhà Trần phải dâng công chúa vì Thoát Hoan đòi đích danh Công Chúa An Tư. Hẳn ta đã được thấy bức họa của công chúa do anh trai nàng là Trần Ích Tắc vẽ. Bức ảnh này vô tình đã lọt vào mắt sứ giả Sài Thung của quân Nguyên nên hẳn dâng bức họa lên cho Thoát Hoan để lập công. An Tư là cô gái tuyệt đẹp, sắc nước hương trời, thường vận võ phục, cỡi ngựa bạch, múa đao kiếm như một võ tướng. Nàng có một mối tình tuyệt đẹp, thủy chung với chàng trai Chiêu Thành Vương (chú ruột của Trần Quốc Toản). Chiêu Thành Vương là một vương gia trẻ thường cưỡi con Hắc Long oai dũng giữa ba quân. Đôi khi chàng âm thầm len lỏi dò la tin giặc trong hiểm nguy, gian khổ, vất vả với nắng gió biên thù, nhưng phong thái anh hùng vẫn tỏa sáng từ con người mã thượng ấy. Hai người hẹn ước khi tan binh biến sẽ xin thánh chỉ ban hôn nhân. Nhưng bão tố trùm phủ xuống đôi đầu son trẻ để Chiêu Thành Vương mang nỗi đau, nỗi hận ngàn đời khi hay tin người yêu đã vùi thân trong biển lửa, khi nàng đi phá hủy kho thuốc nổ, cung nỏ của giặc.

Những nhân vật tên tuổi thời Trần:

1. Trần Quốc Tuấn, tức Hưng Đạo Vương (con thứ hai của Trần Liễu), là một tướng tài ba lỗi lạc, một danh nhân quân sự cổ kim ít người sánh kịp. Từ nhỏ ông được cha mời thầy giỏi dạy dỗ, rèn luyện cả văn lẫn võ. Ông tỏ ra là bậc hiền tài và trung trực, lúc nào cũng đặt quyền lợi đất nước lên trên hết. Ông làm đến chức Tiết Chế Quốc Công (Tổng tư lệnh quân đội), là bậc tướng trụ cột triều đình. Ông thương yêu lính, dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc, dạy bảo họ lễ thắng, thua. Ông soạn hai bộ binh thư: BINH THƯ YẾU LƯỢC và VẠN KIẾP TỔNG BÍ TRUYỀN THƯ. Khi giặc Nguyên lộ mưu đồ xâm lược ông đã viết HỊCH TUỞNG SĨ rất hùng hồn, thống thiết, khẳng định ông là một vị tướng tài, đức, dũng, trí vẹn toàn.

Cả ba lần đánh quân Nguyên, ông đã tạo ra nhiều chiến

thắng oanh liệt, nhất là trận Bạch Đằng Giang. Ông được phong là Hưng Đạo Vương.



Đền thờ Đức Thánh Trần ở làng Thổ Khối Tỉnh Thanh Hóa đã được trùng tu và hoàn chỉnh vào năm Tự Đức Thứ 3 (1850).

2. Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải là con thứ hai của Thái Tông, em ruột của Thánh Tông, giữ chức Thượng Tướng Thái Sư nắm toàn quyền nội chính. Có sách mô tả rằng Quang Khải người cao dong dỏng, mũi thẳng, mắt sáng, tiếng nói vang nhưng âm. Ông có dáng dấp cao quý, phong nhã của bậc vương gia, nhưng cũng toát ra nét oai hùng, uy vũ của một trang võ tướng. Ngoài ra ông còn là một thi sĩ. Ông là tác giả cuốn “Lạc Đạo”. Trong trận kháng Mông lần hai và ba, ông là tướng thứ nhì sau Trần Quốc Tuấn.

3. Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc là con thứ ba của Thái Tông, em kế Trần Quang Khải. Ông là người có đầu óc thông tuệ khác thường, cũng là người tài hoa bậc nhất kinh thành, tinh thông: cầm, kỳ, thi, họa. Ông mở trường dạy học, học trò ông như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Phóng... đều nổi tiếng. Trong vương phủ ông lúc nào cũng có vài ngàn môn khách. Vương phủ của ông đẹp nhất trong các vương phủ

ở Thăng Long. Ông sống xa hoa, hào phóng, vì nhiều tài năng nên có phần kiêu ngạo, không an phận với chức vị của mình. Trong cuộc kháng Mông lần thứ ba, ông đã hèn nhát cùng với cháu là Văn Hiến Hầu Trần Kiện mang cả gia quyến đầu hàng giặc và theo về Yên Kinh chết già bên đó.

4. Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật là con thứ tư của Thái Tông, em của vua Thánh Tông, Trần Quang Khải và Trần Ích Tắc. Ông nổi tiếng là ông hoàng hiếu học và sớm lộ thiên tri. Tuổi trẻ của ông miệt mài rèn luyện văn, võ để thành tài. Ông học hỏi và hiểu biết rành rẽ nhiều thứ tiếng cùng phong tục, tập quán của từng sắc tộc. Ông thu nạp một số nhân sĩ lưu vong nhà Tống nên rất giỏi tiếng Hán. Những cuộc tiếp đón sứ thần trong và ngoài nước đều do ông đích thân dùng ngôn ngữ của họ mà giao tiếp. Ngoài 20 tuổi ông đã nổi tiếng là một tướng trẻ với nhiều công trận. Năm 26 tuổi ông lập một chiến công hiển hách: Hàng phục được chúa mạn Đà Giang là Trịnh Giác Mật mà không tổn hao một binh tướng nào (do ông đã dùng nghi lễ, tập quán của họ mà chiêu hàng họ). Đà Giang là hàng rào cản ở biên giới, nếu bị quân Nguyên chiêu dụ được Trịnh Giác Mật đầu hàng thì nhà Trần khó giữ vững phòng tuyến. Trong trận đánh Nguyên lần ba ông cầm hơn 20 vạn quân chiến thắng ở Vạn Kiếp, Hàm Tử sau đó kéo về Chương Dương hiệp lực với đội quân Trần Quang Khải rồi đánh chiếm lại Thăng Long.

5. Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản là con một vị vương gia nhà Trần, nhưng cha mất sớm. Ông sống với mẹ trong một thái ấp rộng lớn và được mẫu thân cùng chú ruột là Chiêu Thành Vương dạy dỗ. Khi bị Vua Nhân Tông từ chối không cho tham dự Đại Hội Bình Than vì mới 17 tuổi, ông rất bức tức, buồn bã. Ông trở về thái ấp tụ họp gia tướng hơn ngàn người ngày đêm tập luyện với sự trợ giúp của vị quản gia cũng là thầy ông, một người rất giỏi võ công: Lê Như Hổ. Sau đó ông cũng được Tiết Chế Quốc Công Trần Quốc Tuấn rèn luyện, chỉ dạy về binh pháp, về cách cầm quân đánh giặc suốt

nửa năm ròng rã. Chỉ sau một thời gian ngắn, dưới lá cờ có 6 chữ “PHÁ CUỒNG ĐỊCH BẢO HOÀNG ÂN”, Quốc Toản trở thành vị tướng trẻ tuổi nhất đã làm cho Ô Mã Nhi, Toa Đô kinh hồn bạt vía ở trận Vạn Kiếp, Hàm Tử, Chương Dương... Sau đó Trần Quốc Toản,đuổi giặc chạy đến sông Như Nguyệt (sông Đuống) thì bị A Lý Hải Nha dùng mưu bắn lén, bị tên độc mà tử trận.

Ngoài các danh tướng kể trên còn có rất nhiều tướng giỏi khác. Cũng vào các đời vua này nước ta xuất hiện nhiều nhân tài tên tuổi như: Mạc Đĩnh Chi, Lê Văn Hưu, Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Hiền, Hàn Thuyên...

- Nói về vua Trần Nhân Tông:

Ông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông (Thái Tử Thuyên). Anh Tông cũng là vị vua thông minh, sáng suốt cai trị đất nước tốt đẹp. Dưới triều ông có một câu chuyện đáng kể là việc gả Huyền Trân Công Chúa cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Năm 1306, vua gả con gái cho vua Chế Mân để đổi lấy hai Châu Ô, Lý nay là đất Thuận Hóa. Năm 1307 Chế Mân chết, theo luật lệ của Champa công chúa phải bị hỏa táng theo chồng. Vua Anh Tông sai Thượng Tướng Trần Khắc Chung sang tìm cách cứu Huyền Trân. Khắc Chung cứu được công chúa bằng đường biển rồi dong thuyền chạy về nước.

Người đời thêu dệt về câu chuyện tình lãng mạn của công chúa và viên thượng tướng. Họ cho rằng vì chàng yêu công chúa nên đường từ Chiêm Thành về Đại Việt không mấy xa xôi mà con thuyền tình đó lênh đênh trên biển gần một năm trời mới về đến Thăng Long vào cuối năm 1308. *(Có người làm lẫn Trần Khắc Chung với Đỗ Khắc Chung, một vị tướng đời Thánh Tông và Nhân Tông. Đến đời Anh Tông nếu ông Đỗ còn sống chắc cũng luống tuổi rồi nên không thể là Trần Khắc Chung của Huyền Trân được.)*

Tuy nhiên, dù triều thần có nhiều dị nghị về chuyện này nhưng không nghe Anh Tông trách phạt gì Khắc Chung và

vua cũng không gả công chúa cho ông ta.

- Vua Trần Anh Tông truyền ngôi cho con là Thái Tử Mạnh tức Trần Minh Tông. Luật lệ “bắt buộc con cháu nhà Trần phải lấy nhau” không còn nữa khi Minh Tông lấy hai người cô của Hồ Quý Ly làm vợ. Triều đình nhà Trần từ đây về sau càng ngày càng suy yếu. Có vua vì không đủ tài sức cai trị đất nước, có vua bị gian thần lộng quyền phế bỏ, có vua lại nghe lời gian thần giết hại trung lương nên xã hội càng suy đồi, bế tắc. Đến đời Trần Thuận Tông, Hồ Quý Ly chuyên quyền, nắm hết triều chính, gả con gái cho vua và tự xưng là Quốc Tế Thượng Hoàng, ở cung Nhân Thọ ra vào dùng nghi lễ Thiên Tử. Chẳng bao lâu Hồ Quý Ly bắt vua Thuận Tông nhường ngôi cho con là Thái tử Án mới ba tuổi lên kế nghiệp niên hiệu là Trần Thiếu Đế. Rồi Quý Ly giết vua. Lúc đó các tôn thất nhà Trần, Thái Bảo Trần Nguyên Hãn, Thượng Tướng Trần Khát Chân cùng nhau lập mưu kế định tiêu diệt Quý Ly. Việc bại lộ nên họ bị giết hết, tất cả là 370 người. Sau một năm, Quý Ly phế bỏ cháu ngoại là Trần Thiếu Đế, cướp ngôi và lập nên nhà Hồ.

Như vậy nhà Trần cai trị đất nước được 175 năm (1225 - 1400) qua 12 đời vua:

1. Trần Thái Tông (Trần Cảnh).
2. Trần Thánh Tông (Thái Tử Hoảng).
3. Trần Nhân Tông (Thái tử Khâm).
4. Trần Anh Tông (Thái Tử Thuyên).
5. Trần Minh Tông (Thái tử Mạnh).
6. Trần Hiến Tông (Thái Tử Vượng).
7. Trần Dụ Tông (Trần Hạo).
8. Trần Nghệ Tông (Cung Tĩnh Vương).
9. Trần Duệ Tông (Trần Kính).
10. Trần Phế Đế (Trần Hiên).
11. Trần Thuận Tông (Chiêu Định Vương).
12. Trần Thiếu Đế (Thái Tử Án).

Nó chung, dòng dõi vua chúa triều đại nào cũng vậy, được

về vang hưng thịnh một thời gian rồi cũng yếu kém suy tàn nên mới bị mất ngôi. Nhà Trần cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên hậu thế vẫn cho điểm khá tốt ở nhà Trần với các vị vua đầu triều quyết đoán sáng suốt, anh minh, dũng cảm. Một triều đại đã để lại cho đời tên tuổi những nhân sĩ tài ba, những danh tướng tuyệt luân với nhiều chiến công hiển hách, cũng là niềm tự hào của dân tộc.

Cali mùa Hè 2024.

* Lý Long Tường chạy sang đảo Hoa Sơn của Cao Ly (Đại Hàn) được vua Hàn trọng dụng và phong cho làm tướng quân sau khi ông đánh đuổi giặc Mông Cổ cho vua Hàn. Niềm hy vọng phục quốc của ông không thực hiện được bởi các vua đầu triều Trần cai trị đất nước tốt đẹp, hưng thịnh. Ông thường lên đỉnh núi Hoa Sơn, mặt hướng về cố hương ở phương Nam mà khóc, nơi đó được gọi là Vọng Quốc Đài (có sách gọi là Vong Quốc Đàn).

Năm 1958 Tổng Thống của Đại Hàn là Lý Thừa Vãn sang thăm Tổng Thống Ngô Đình Diệm có vài báo chí ở Sài Gòn đưa tin rằng ông Lý có nói ông là người Việt Nam??? Sự việc này đúng hay sai đến nay không nghe ai nhắc tới nữa.

Năm 1994, người cháu đời thứ 26 là Lý Xương Căn hướng dẫn gia tộc về Việt Nam làm lễ tế tổ tại làng Đình Bảng (làng Cổ Pháp ngày xưa, nơi xuất thân của Lý Công Uẩn).

Trong Ngục Tù Bao La ***(1975-1984)***

Nguyễn Thị Xuân, K 13/1
(Vợ CSVSQ Nguyễn Quốc Đống, K 13)

(Trích trong Hồi Ký Những Tháng Ngày Không Quên)

Cả nước sống trong tù!

“Trong Ngục Tù Bao La” là tên một bản nhạc mà Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm viết cho một người yêu cũ của ông. Nàng đi lấy chồng, nhưng không may lấy phải một người chồng quá ghen, đã nhốt nàng trong nhà, không cho ra ngoài tiếp xúc với ai. Nàng như một cung phi bị giam trong cung cấm. Nơi nàng bị giam không hẳn là bốn bức tường nhà tù, nàng có thể đi lại trong nhà, nhưng tự do bị hạn chế, nên nơi ở vẫn là một “ngục tù bao la” (1969). Chỉ 6 năm sau (1975), nhạc sĩ cũng gặp cùng cảnh ngộ, bị cộng sản giam trong cái “ngục tù bao la” đó, vì từ Nam ra Bắc, những nơi núi rừng âm u, xa xôi heo lánh, khí hậu khắc nghiệt, đều có nhà tù cộng sản, để giam quân, cán, chính VNCH.

Chồng tôi bị bắt đi tù ngày 15-6-1975. Thời gian đầu, gia đình cũng không biết anh ở đâu. Một năm sau (1976), lần đầu

tiên tôi nhận thư anh, anh cho biết “được đưa ra Bắc, để có điều kiện học tập tốt hơn”. Tôi ngồi bệt xuống sàn nhà, tay cầm thư chồng, bật khóc rung rức, vì thấy chồng càng lúc... càng xa!

Khi chồng tôi ra đến đất Bắc, khoảng ba tháng một lần, gia đình nhận được giấy cho gửi quà nuôi “tù cải tạo”, mỗi lần được gửi một gói quà nhỏ 5 kg.

Thời gian anh ở trại tù Hoàng Liên Sơn, anh được gặp anh Vũ Đức Nghiêm ở cùng trại (anh Nghiêm và chồng tôi là anh em họ, đôi con dì).



Tác giả, 2022

Đến cuối 1978, có lẽ do áp lực của quân Tàu, cộng sản cho chuyển tù về các trại xa vùng biên giới. Chồng tôi và các bạn cùng trại chuyển đến một trại tù ở Nghệ Tĩnh.

Các nhà tù giam “tù cải tạo” chỉ là những nhà tù nhỏ. Bên ngoài, người dân cũng sống trong “nhà tù lớn”, với đời sống ngột ngạt, thiếu không khí tự do của chế độ chuyên chính vô sản; với cảnh ngăn sông cấm chợ; với chế độ hộ khẩu, người dân đi đâu cũng phải khai tạm vắng, tạm trú; với chế độ tem phiếu, khẩu phần, người dân phải “ăn mày” nhà nước từng kg gạo, từng mét vải.... Cả nước sống trong “ngục tù bao la”.

Thăm chồng ở trại tù Nghệ Tĩnh (1979)

Do tình trạng “tù cải tạo” không đủ ăn, có người đã bị chết đói, nên cộng sản đã cho gửi quà vào trại (1978), và cho gia đình đến trại tù thăm nuôi. Hè 1979, tôi quen được hai chị sắp đi thăm chồng tại trại tù Nghệ Tĩnh, nên quyết định đi thăm chồng tôi. Đã bốn năm, tôi chưa một lần gặp lại anh, sau ngày anh bị bắt đi tù. Năm đó tôi chỉ 29 tuổi, chưa bao giờ mạo hiểm đi xa một mình như vậy, nên tôi lo lắng lắm. Nhưng nghĩ

mình có hai bạn đồng hành nên tôi cũng đỡ sợ.

Chúng tôi đến ga tàu lửa Thống Nhất vào buổi chiều, mua vé xong, cả ba sửa soạn vào nhà ga. Hai chị bạn bàn với nhau “nếu đi vào bằng công trước, có thể sẽ gặp khó khăn, vì đồ mang theo quá nặng, vậy nên lên đi vào bằng lối sau”. Hai chị đi thoát, còn tôi lách thếch đi sau, bị an ninh nhà ga bắt giữ lại, không cho đi, họ nghi tôi “đi buôn lậu”. Tại văn phòng nhà ga, tôi giải thích là “đi thăm chồng tù cải tạo” ở Nghệ Tĩnh, trình cả giấy giới thiệu của hiệu trưởng Mạc Đĩnh Chi, họ cũng không tin, nói là “để tàu chạy xong mới giải quyết”. Tôi thất vọng nảo nề, nếu phải đi về, tôi đâu có can đảm đi ra Bắc một mình. Đúng lúc tuyệt vọng đó, hai người em chồng, một cô và một chú em, vào đến văn phòng. Rồi không biết hai người em chồng tôi nói gì mà họ cho tôi đi. Leo được lên tàu, chỉ vài phút sau là tàu hú còi rời ga!

Tàu chạy suốt đêm, qua nhiều tỉnh ở miền Trung, nhưng tôi mệt mỏi, buồn rầu, cũng chẳng ham gì ngắm cảnh vật bên đường. Tôi nhớ cảnh người dân buôn bán nhếch nhác dọc theo đường tàu. Họ bán đủ thứ, gà luộc sẵn chỉ sáu đồng một con, bánh, kẹo, trái cây.... Trẻ em đi bán dạo trên tàu cũng nhiều lắm. Năm đó dân cả nước còn đói lắm. Thử tưởng tượng người tù còn đói đến đâu. Tôi lo cho chồng, vì biết anh sức khỏe không tốt.

Đêm trên tàu, tôi thức trắng, vì lạ chỗ, và không có thói quen ngủ khi di chuyển; đây cũng là lần đầu tiên tôi đi tàu lửa. Chiều hôm sau, tàu đến ga Vinh, Nghệ Tĩnh, là nơi chúng tôi đến. Việc đầu tiên là đi tìm phòng trọ, sau đó đi mua thêm ít hộp sữa cho chồng. Phòng trọ nhỏ hẹp, tối tăm, cái màn giăng chống muỗi thì cáu bẩn, hôi hám. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi mang đồ ra bến đò Dừng, qua đò, rồi thuê hai xe thồ, một xe chở đồ, và một xe chở người, vượt 23 km đường rừng, mới đến trại tù! Hồi đó tình hình an ninh còn khá, nên chúng tôi đến trại bình an; không ai bị cướp đồ, hay bị hại! Thân nhân phải khai báo, chuẩn bị để sáng hôm sau mới được gặp người

nhà. Đêm hôm đó, các chị bận rộn, luộc gà, nấu xôi.... Tôi không nhớ mình có nấu nướng cái gì không, vì mệt là người ra rồi.

Sáng hôm sau, cả bọn nôn nóng vì sắp gặp được người nhà! Mỗi gia đình chỉ được gặp thân nhân 30 phút. Biết nói gì trong thời gian ngắn ngủi đó?

Chồng tôi được công an trại tù đưa ra. Chồng ngồi một bên, vợ ngồi một bên cái bàn gỗ dài, đầu bàn có một công an. Bị kiểm soát vậy thì còn nói năng cái gì? Tôi muốn khóc mà không dám, giờ ngồi viết những dòng hồi tưởng này, nước mắt tôi rơi thoải mái, còn ai cấm nữa đâu! 30 phút trôi qua nhanh, đã đến lúc từ biệt nhau. Chồng tôi ráng cười, khuyên tôi giữ sức khỏe để lo cho các con.

*“Khi nụ hôn trao nhau vội vàng
Còn ảm chút hương môi,
Em đã xa tôi rồi
Tay cầm tay con tim bồi hồi
Sầu chắt ngát chia phôi
Thương nhớ dâng nghẹn lời*

.....

Muôn trùng xa em về
Bụi mờ vương theo bước em đi
Mặt nồng xưa ray rút con mê
Hận thù nay giăng mắc lê thê
Đưa em về, biết nói gì
Giây phút từ ly...”

(Bài hát “Muôn Trùng Xa Em Về”, do nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm sáng tác, sau lần chị đến thăm anh tại trại tù.)

Trên đường về, lúc đi bộ ra khỏi trại, tôi trông thấy những người tù đang lao động trên những cánh đồng, thân thể hao gầy, áo quần tối tả... Lòng tôi nặng trĩu đau buồn, thương cảm cho những người lính Việt Nam Cộng Hòa, vì bảo vệ miền Nam mà phải chịu đòn trả thù tàn bạo của cộng sản.

*“Anh ở đây, bạn bè anh cũng ở đây
Áo rách xác xơ vai gầy
Cùng chung kiếp sống lưu đầy
Anh ở đây, ngày ngày cơm chưa đầy chén
Chiều chiều xa trông đàn én
Kiếm môi thấp thoáng bay nhanh*

.....

*Anh ở đây, bạn bè anh cũng ở đây
Vẫn giếng nước sâu bên cầu
Tìm trăng, trăng vương dây gàu
Anh ở đây, ngày ngày bên trong rào sắt
Hận thù ưu tư chồng chất
Giữa lòng núi cũ sông xưa.....”*

(“Anh ở đây”, bản nhạc do nhạc sĩ Thục Vũ, tức Trung Tá Vũ Văn Sâm sáng tác trong trại tù, ông chết trong trại tù Sơn La tháng 6, 1976.)

